TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16-6-2022
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Thao

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Xuân Vũ

Bà Triệu Thị Thủy Hoàn

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2022/TLST-HNGĐ ngày 22-3-2022 về việc: Ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04-5-2022; theo Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 13/2022/TBXX ngày 03-6-2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1977.
- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái.

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Quốc T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị D tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06-11-1997 tại UBND xã T, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuân của vợ chồng đã được hòa giải nhưng không có kết quả. Anh và chị D đã ly thân từ lâu không còn quan tâm đến nhau. Anh T xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn chị D.

Về con chung: Anh và chị D có hai con chung là Nguyễn Quốc Tr, sinh năm 2000 và Nguyễn Trọng N, sinh năm 2002. Hiện các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung : Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Quốc T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06-11-1997 tại UBND xã T, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và Anh T có quan hệ tình cảm với người khác. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã ly thân từ lâu không còn quan tâm đến nhau. Chị D xác định tình cảm vợ chồng đã hết và chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và Anh T có hai con chung là Nguyễn Quốc Tr, sinh năm 2000 và Nguyễn Trọng N, sinh năm 2002. Hiện các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

+ Về hôn nhân: Anh Nguyễn Quốc T được ly hôn chị Nguyễn Thị D

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "Ly hôn". Bị đơn chị Nguyễn Thị D có nơi cư trú tại thôn Ngòi Thắm, xã T, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố

tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Quốc T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Thị D được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Quốc T và chị Nguyễn Thị D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái ngày 06-11-1997 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu mẫu, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng hiện đã ly thân không còn quan tâm đến nhau. Anh T và chị D đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa Anh T và chị D đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Anh T, cho Anh T được ly hôn chị D.

[3] Về con chung: Anh T và chị D xác nhận có có hai con chung là Nguyễn Quốc Trường, sinh năm 2000 và Nguyễn Trọng Nghĩa, sinh năm 2002. Hiện các con đã trưởng thành, Anh T và chị D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Quốc T được ly hôn chị Nguyễn Thị D.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Quốc T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí Anh T đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0002220 ngày 22-3-2022

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Lục Yên;
- CCTHADS huyện Lục Yên;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thao